

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Tú Anh;
2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên viết tắt: S);**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Tấn Hoàng V – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tấn Hoàng V: Ông Lê Thiết H – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần S (Theo văn bản ủy quyền số 495/UQ-TGD.18 ngày 20/11/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thiết H: Ông Phan Trường V – Chức vụ: Phó Giám đốc kinh doanh – Chi nhánh T và ông Trần Quý T – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ và khai thác tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 496/UQ-TGD.18 ngày 20/11/2018 và văn bản ủy quyền số 297/UQ-S-CNTĐ.18 ngày 10/7/2018); có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1963; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã V, huyện B, tỉnh T; hiện cư trú tại: Tổ 22, ấp H, xã H, huyện B, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/11/2016 ông Nguyễn Tấn P có ký kết Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 906/HĐTD/S-CNTĐ.16 với Ngân hàng thương mại Cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng S), vay số tiền (vốn gốc) 650.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ A theo Hợp đồng mua bán số 1305053/HĐMB/ASN/2016 ngày 15/10/2016; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất theo thông báo về việc điều chỉnh lãi suất tài khoản vay số 730/TB-S-CNTĐ.17 ngày 15/11/2017 là 12,7%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn; phương thức trả nợ: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu International, số loại: Prostar, loại xe đầu kéo, biển số 70C - 091.90, số khung: SJR2CN613534, số máy: 5HM254125929 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16, được công chứng tại văn phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/11/2016.

Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến nay, ông P có trả được một phần tiền nợ gốc là 132.550.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng S có thông báo về việc chuyển nợ quá hạn đối với ông P, nhưng đến nay ông P vẫn không thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Do ông P vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc, nên nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2018 tổng cộng 655.732.093 đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc 517.450.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 81.400.062 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 15.230.434 đồng;
- Phạt chậm trả lãi: 10.426.259 đồng;
- Phạt vi phạm hợp đồng 5% trên toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi: 31.225.338 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu ông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì phải chịu biện pháp phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16 ngày 14/11/2016. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ, ông P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng. **Nếu ông P thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng S sẽ giải chấp và trả lại cho ông P một giấy chứng nhận đăng ký xe số 012194, biển số 70C - 091.90 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Tấn P đứng tên đăng ký ngày 09/11/2016.**

Ông P phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S về: Thời gian ký kết Hợp đồng tín dụng số 906/HĐTD/S-CNTĐ.16, số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, tài sản thế chấp đảm bảo khoản nợ vay và các thỏa thuận khác trong hợp đồng là đúng.

Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến nay, ông có trả cho Ngân hàng S số tiền gốc 132.550.000 đồng, tiền lãi trả không đầy đủ. Mặc dù Ngân hàng S có thông báo về việc chuyển nợ quá hạn đối với ông, nhưng đến nay ông vẫn không thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho Ngân hàng S do làm ăn thua lỗ.

Nay ông đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc 517.450.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền phạt chậm trả lãi, ông xin không trả cho Ngân hàng S, vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, ông lớn tuổi, không có việc làm, gia đình không còn tài sản nào khác ngoài chiếc xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng S.

Nếu ông không thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng S thì ông đồng ý chịu biện pháp phát mãi tài sản đã thế chấp và đồng ý chịu án phí theo quy định pháp luật. **Nếu ông thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng S phải giải chấp và trả lại cho ông 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 012194 ngày 09/11/2016, biển số 70C - 091.90.**

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2018 tổng cộng 655.732.093 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Nếu ông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì phải chịu biện pháp phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16 ngày 14/11/2016. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ, ông P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng. **Ông P** phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

Ông Nguyễn Tấn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2018 tổng cộng 655.732.093 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 517.450.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 81.400.062 đồng; tiền lãi quá hạn: 15.230.434 đồng; phạt chậm trả lãi: 10.426.259 đồng; phạt vi phạm hợp đồng 5% trên toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi: 31.225.338 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Nếu ông P không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16 ngày 14/11/2016 để thu hồi nợ.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tấn P là bị đơn trong vụ án, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng S) yêu ông Nguyễn Tấn P có nghĩa trả số tiền nợ tổng cộng 655.732.093 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn ông P và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S thừa nhận: Ngân hàng S và ông P có ký kết Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 906/HĐTD/S-CNTĐ.16, ngày 11/11/2016, vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng; trong hợp đồng có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi, phạt vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng giữa ông Nguyễn Tấn P và Ngân hàng thương mại Cổ phần S là có thật và hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông P đồng ý trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn 614.080.500 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phạt chậm trả tiền lãi và phạt vi phạm hợp đồng 5%, số tiền 41.651.500 đồng thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S và ông P ký kết ngày 11/11/2016, thời điểm có hiệu lực thi hành của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng là ngày 15/3/2017. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng S và ông P đều xác nhận, sau ngày Thông tư số 39/2016/TT-NHNN có hiệu lực thi hành, giữa các bên không ký kết bất kỳ phụ lục hợp đồng hay văn bản nào khác để điều chỉnh nội

dung trong hợp đồng tín dụng cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do đó, việc người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S cho rằng các bên thỏa thuận phạt chậm trả lãi và phạt vi phạm hợp đồng 5% căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN là không có căn cứ. Hơn nữa, căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, có hiệu lực vào thời điểm giao kết hợp đồng quy định “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn...” và căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, như vậy căn cứ các quy định này thì pháp luật cũng không quy định về lãi phạt.

Đồng thời, đối chiếu các quy định khác của pháp luật như tại Quyết định số 1627/2001/QĐ- NHNN, ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số **127/2005/QĐ- NHNN**, ngày 03/02/2005 chỉ quy định lãi của các tổ chức tín dụng với khách hàng bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn “...*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng...*”. Việc các bên thỏa thuận lãi phạt chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng là không đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 xác định “...*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm...*”. Nội dung án lệ cũng không cho phép được tính lãi phạt và phạt vi phạm hợp đồng.

Tại Điều 18 Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 906/HĐTD/S-CNTĐ.16, ngày 11/11/2016 giữa Ngân hàng S và ông P quy định: “*Trường hợp bên vay vi phạm các cam kết về thực hiện hợp đồng thì bên vay phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng với mức phạt là Y% của tổng giá trị các nghĩa vụ vi phạm (bao gồm nợ gốc, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh...*” (bút lục 04). Thỏa thuận này của các bên là trái với quy định của pháp luật, vì việc các bên thỏa thuận tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng “*lãi suất nợ quá hạn bằng 150% x lãi suất cho vay trong hạn*” (bút lục 05), về bản chất lãi suất nợ quá hạn đã là một biện pháp phạt vi phạm hợp đồng, nên tại Điều 18 của Hợp đồng nêu trên, các bên còn thỏa thuận bên vay “*phải chịu thêm khoản tiền phạt là 5% trên số dư nợ gốc và lãi*” là phạt chồng phạt và lãi chồng lãi, không đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2018 tổng cộng là 614.080.500 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc: 517.450.000 đồng, tiền lãi trong hạn 81.400.062 đồng, tiền lãi quá hạn 15.230.434 đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông P trả thêm số

tiền 41.652.000 đồng (trong đó: Tiền phạt chậm trả lãi 10.426.259 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 5% là 31.225.338 đồng).

[4] Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16 ngày 14/11/2016 giữa Ngân hàng với ông P, thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay 650.000.000 đồng, ông P đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu International, số loại: Prostar, loại xe đầu kéo, biển số 70C1 - 091.90, số khung: SJR2CN613534, số máy: 5HM254125929. Khi thế chấp tài sản, giữa Ngân hàng với ông P có lập văn bản thế chấp, được công chứng và đăng ký đúng theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ, nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do đó, nếu ông P không thanh toán được khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[Y] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn P và Ngân hàng thương mại Cổ phần S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 343, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Tấn P về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2018 tổng cộng là 614.080.500 (sáu trăm mười bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, năm trăm) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc: 517.450.000 đồng, tiền lãi trong hạn 81.400.062 đồng, tiền lãi quá hạn 15.230.434 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn P trả thêm số tiền 41.652.000 (bốn mươi một triệu, sáu trăm, năm mươi hai nghìn) đồng; trong đó: Tiền phạt chậm trả lãi 10.426.259 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 5% là 31.225.338 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2018) ông Nguyễn Tấn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (ông P) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Tấn P không thanh toán được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu International, số loại: Prostar, loại xe đầu kéo, biển số 70C - 091.90, số khung: SJR2CN613534, số máy: 5HM254125929 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 906/HĐTCTS/S-CNTĐ.16, được công chứng tại văn phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/11/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Tấn P thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp và trả lại cho ông P 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 012194, biển số xe 70C - 091.90 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 09/11/2016 cho ông Nguyễn Tấn P đứng tên đăng ký.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.563.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm, sáu mươi ba nghìn) đồng.

Ngân hàng thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.082.500 (hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.453.000 (mười bốn triệu, bốn trăm, năm mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005458 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Ngân hàng thương mại Cổ phần S được hoàn trả số tiền chênh lệch là 12.370.500 (mười hai triệu, ba trăm, bảy mươi nghìn, năm trăm) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tấn P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

